**KEYS- MORE EXERCISE 19**

1. **NỘI DUNG**

***Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others.***

1. A. award /w/ B. swordcâm C. wander /w/ D. wonder /w/
2. A. question / tʃ/ B. competition /ʃ/ C. association /ʃ/ D. stimulation /ʃ/
3. A. entrusted /id/ B. liked /t/ C. distributed /id/ D. included /id/
4. A. kites /s/ B. caps /s/ C. laughs /s/ D. idols /z/

***Choose the word whose main stress pattern is not the same as that of the others.***

1. A. athletics 2 B. performance 2 C. general 1 D. promotion 2
2. A. competition 3 B. minority 2 C. disappointed 3 D. disadvantaged 3
3. A. compete 2 B. figure 1 C. cover 1 D. orphan 1
4. A. apologize 2 B. remember 2 C. enjoyment 2 D. difficulty 1

***Choose the word or phrase that best fits the blank, or that best explains the underlined part in each sentence.***

1. \_\_\_\_\_\_\_\_ of the committee, I’d like to thank you for your generous donation.

A. According B. On behalf C. In addition D. Together

*Thay mặt ủy ban, tôi muốn cảm ơn bạn vì sự đóng góp hào phóng này.*

1. The \_\_\_\_\_\_\_\_ of poetry competition will be known tomorrow.

A. aim B. result C. decision D. spirit

*Kết quả của cuộc thi đọc thơ sẽ được biết đến vào ngày mai.*

1. The authorities are trying to collect \_\_\_\_\_\_\_\_ for the local charity.

A. contestants B. spectators C. decorations D. sponsors

*Các nhà chức trách đang cố gắng kêu gọi các nhà tài trợ cho tổ chức từ thiện địa phương.*

1. Five local teachers of English are invited to \_\_\_\_\_\_\_\_ the essay contest.

A. criticize B. review C. judge D. analyze

*5 giáo viên bộ môn anh văn ở địa phương được mời đến để chấm thi viết luận.*

1. You need a degree to be\_\_\_\_\_\_\_\_ in today’s job market.

A. compete B. competition C. competitor D. competitive

*Be + adj 🡪 D*

* 1. My cousin always dreamt of \_\_\_\_\_\_\_\_ a doctor but his family was too poor \_\_\_\_\_\_\_\_ him to Medical school.

A. being/ being sent B. be/ to be sent C. to be / sending D. being/ to send

*Dream of + V-ing/ too……to V*

* 1. The woman \_\_\_\_\_\_\_\_ on inviting us \_\_\_\_\_\_\_\_ her house.

A. dreamt/ visiting B. insisted/ to visit C. regretted/ visiting D. asked/ to visit

*Insist on + V-ing/ invite sb to V*

* 1. Instead of \_\_\_\_\_\_\_\_ at home as usual, I went out \_\_\_\_\_\_\_\_ some fresh air.

A. staying/ getting B. staying/ to get C. stay/ get D. having stayed/ getting

*Instead of + V-ing/ go out to V: đi ra ngoài để 🡪 chỉ mục đích*

* 1. At the moment, Tony \_\_\_\_\_\_\_\_ books and his wife \_\_\_\_\_\_\_\_ dinner.

A. is reading/ cooks B. reads/ is cooking

C. was reading/ was cooking D. is reading/ is cooking

*At the moment dùng thì hiện tại tiếp diễn (am/ is/ are + V-ing)🡪 D.*

* 1. I \_\_\_\_\_\_\_\_ a strange animal while I \_\_\_\_\_\_\_\_ for my friends at the bus stop.

A. was seeing/ was waiting B. saw/ was waiting C. was seen/ waited D. saw/ waited

*Một hành động đang xảy ra 1 hành động khác bất chợt chen vào🡪 B*

* 1. By the time I \_\_\_\_\_\_\_\_ to the party, most people \_\_\_\_\_\_\_\_ home.

A. got/ had gone B. had got/ went C. was going/ had gone D. had got/ had gone

*By the time + S + V2/ed, S + had + V3/ed 🡪 A*

* 1. Nancy: “I’m not sure what to do this evening. Any ideas?”

Molly: “\_\_\_\_\_\_\_\_”

A. Do you go to the cinema, perhaps?

B. You will go to the cinema, perhaps?

C. Why don’t we go to the cinema?

D. Why shouldn’t we go to the cinema?

*Nancy: Mình không biết phải làm gì tối nay nữa. Có ý kiến gì không?*

*Molly: Sao chúng ta không đi xem phim? 🡪 C*

* 1. Minh: “Thanks a lot.” *Cảm ơn rất nhiều*

Tom: “\_\_\_\_\_\_\_\_” *không có chi*

A. Don’t mention it B. Oh, that’s too bad C. Oh, I’m sorry to hear that. D. Of course

1. Jack admitted \_\_\_\_\_\_\_\_ the money from the bank the week before.

A. steal B. to steal C. stealing D. stolen

*Admit + V-ing*

1. Mary should have apologized \_\_\_\_\_\_\_\_ being late this morning, but she didn’t.

A. on B. for C. of D. about

*Apologize for V-ing*

1. The group leader prevented his members \_\_\_\_\_\_\_\_.

A. from going on B. going on C. to go on D. to going on *Prevent sb from V- ing*

1. The little boy denied \_\_\_\_\_\_\_\_ the window and refused not to follow the woman.

A. break B. to break C. breaking D. broken

*Deny + V-ing*

**Choose the underlined word or phrase (A, B, C or D) that needs correcting:**

1. All the students (A) are looking (B) forward to go (C) to the station (D) to watch the football match.

*Look forward to + V-ing*🡪 *forward to going*

1. I had my teacher (A) to revise my essay this morning, but he was busy teaching.

*Have sb V0 🡪 revise*

1. They thanked us (A) on inviting them (B) to dinner and (C) said that they wanted to (D) have us over for dinner the next week.

*Thank sb for sth/ V-ing🡪 for inviting*

1. Richard insisted (A) on (B) seeing (C) the manager (D) tomorrow.

*Động từ tường thuật (insisted) ở thì quá khứ 🡪 thời gian thay đổi🡪 the following day*

1. The heavy rain (A) prevented them (B) from climbing (C) to the top of the mountain and (D) took photos

*Prevent sb from V-ing …and V-ing 🡪 taking*

**B. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU**

Sau bài tập này các em cần nắm được:

**-** Cách phát âm, dấu nhân, từ đồng nghĩa, nghĩa của những từ mới trong unit 6.

**-** Cách sử dụng word form, giới từ

**-** Cách sử dụng thì

 - Cách sử dụng reported speech with gerund

**C. NHIỆM VỤ**

Các em làm bài tập trong tiết offline. Ngay khi hết tiết thì gửi đáp án cho thầy/ cô

**D. DẶN DÒ**

Tiết offline kế tiếp, thầy/ cô sẽ cung cấp đáp án và lời giải chi tiết.